

(Phụ lục số 01)

**KHỐI NHÀ TRẺ (24-36 THÁNG)**  
**MỤC TIÊU GIÁO DỤC, NỘI DUNG GIÁO DỤC (43 MT)**

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
<b>1. Giáo dục phát triển thể chất.</b>	
<b>1.1. Phát triển vận động</b>	
<b>a. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</b>	
<b>MT1 (MTXS):</b> Trẻ thực hiện các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra.</li> <li>- Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.</li> <li>- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước nghiêng người sang hai bên, vịn người sang hai bên.</li> <li>- Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.</li> </ul>
<b>b. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.</b>	
<b>MT2(MTXS):</b> Trẻ giữ được thăng bằng trong khi vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh–chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi chạy:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp.</li> <li>+ Đi có mang vật trên tay.</li> <li>+ Đi theo đường ngoằn ngoèo.</li> <li>+ Đi bước vào các ô.</li> <li>+ Chạy theo hướng thẳng.</li> <li>+ Đứng co một chân.</li> </ul> </li> <li>- Tập nhún bật:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bật tại chỗ.</li> <li>+ Bật qua vạch kẻ.</li> </ul> </li> </ul>
<b>MT3:</b> Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay-mắt: Tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1-1,2m.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tung, ném, bắt:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tung-bắt bóng cùng cô.</li> <li>+ Tung bóng qua dây.</li> <li>+ Tung bóng bằng 2 tay.</li> <li>+ Ném bóng vào đích.</li> </ul> </li> </ul>
<b>MT4:</b> Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập bò, trườn:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.</li> <li>+ Bò chui qua cổng.</li> <li>+ Bò, trườn qua vật cản.</li> </ul> </li> </ul>
<b>MT5:</b> Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném bóng về phía trước.</li> </ul>
<b>c. Thực hiện vận động, cử động của bàn tay, ngón tay.</b>	
<b>MT6(MTXS):</b> Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay; thực hiện “múa khéo”.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé</li> <li>- Đóng cọc bàn gỗ</li> </ul>

	- Nhón nhặt đồ vật
<b>MT7(MTXS):</b> Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách
<b>1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</b>	
<b>a. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.</b>	
<b>MT8:</b> Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống
<b>MT9:</b> Trẻ biết ngủ một giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
<b>MT10:</b> Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.
<b>b. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.</b>	
<b>MT11(MTXS):</b> Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh, đi dép,...).	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
<b>MT12:</b> Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra nắng, đi dày, dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Tập đội mũ khi ra nắng. - Tập đi dày, dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
<b>c. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.</b>	
<b>MT13(MTXS):</b> Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần.
<b>MT14(MTXS):</b> Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn.. ) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
<b>2. Giáo dục phát triển nhận thức.</b>	

<b>2.1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.</b>	
<b>MT15:</b> Trẻ biết sờ nắn, nhìn, ngửi, nếm để nhận biết một số đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu</li> <li>- Nghe và nhận biết âm thanh của 1 số đồ vật tiếng kêu của 1 số con vật quen thuộc.</li> <li>- Sờ nắn, nhìn, ngửi,... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật</li> <li>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng-mềm, trơn-nhăn-xù xì.</li> <li>- Nếm vị ăn của một số thức ăn, quả (ngọt, mặn, chua).</li> </ul>
<b>2.2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.</b>	
<b>MT16:</b> Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.</li> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</li> <li>- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.</li> </ul>
<b>MT17:</b> Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân</li> <li>- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.</li> <li>- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.</li> </ul>
<b>MT18:</b> Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, chức năng chính của một số bộ phận trên cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.</li> </ul>
<b>MT19(MTXS):</b> Trẻ nói được tên và 1 vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật, một số hiện tượng tự nhiên và 1 số phương tiện giao thông quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.</li> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</li> <li>- Nhận biết và gọi tên 1 số hiện tượng tự nhiên.</li> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.</li> </ul>
<b>MT20:</b> Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu đỏ, vàng, xanh</li> </ul>
<b>MT21:</b> Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước (to-nhỏ)</li> </ul>
<b>MT22:</b> Trẻ nhận biết được hình dạng (hình tròn – hình vuông).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình tròn, hình vuông</li> </ul>
<b>MT23:</b> Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian (trên-dưới, trước-sau).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí trong không gian (trên-dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ.</li> </ul>

<b>MT24:</b> Trẻ nhận biết được số lượng 1 và nhiều.	- Số lượng một và nhiều.
<b>3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ</b>	
<b>3.1. Nghe hiểu lời nói</b>	
<b>MT25:</b> Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
<b>MT26(MTXS):</b> Trẻ biết trả lời các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây?; Làm gì?; Thế nào? (Ví dụ: Con gà gáy thế nào?)	- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì? ở đâu?; Như thế nào?; Tại sao?.
<b>MT27(MTXS):</b> Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các câu truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.
<b>3.2. Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</b>	
<b>MT28(MTXS):</b> Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau
<b>MT29(MTXS):</b> Trẻ đọc được các bài thơ ca dao, đồng giao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.
<b>3.3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.</b>	
<b>MT30(MTXS):</b> Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
<b>MT31(MTXS):</b> Trẻ biết sử dụng lời nói với mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây?	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn, câu dài.
<b>MT32(MTXS):</b> Trẻ biết nói to đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
<b>4. Giáo dục phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ</b>	
<b>4.1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</b>	
<b>MT33:</b> Trẻ nói được vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.

<b>MT34:</b> Trẻ biết thể hiện điều mình thích, không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
<b>4.2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi</b>	
<b>MT35:</b> Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
<b>MT36:</b> Trẻ nhận biết được trạng thái và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái, cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
<b>MT37:</b> Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.
<b>4.3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản.</b>	
<b>MT38(MTXS):</b> Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện 1 số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn không cầu bạn.
<b>MT39(MTXS):</b> Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
<b>MT 40(MTXS):</b> Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
<b>MT41(MTXS):</b> Trẻ biết thực hiện 1 số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của GV.
<b>4.4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh</b>	
<b>MT42(MTXS):</b> Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau: nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
<b>MT43(MTXS):</b> Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé dán, vò, xếp hình. - Xem tranh.